

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2011
VÀ TRIỂN VỌNG 6 THÁNG CUỐI NĂM
CỦA DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT**

Tính đến ngày 11/8/2011 đã có gần 600 DNNY trên HSX và HNX thông báo kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2011, nếu tính cả báo cáo chưa hợp nhất và báo cáo chưa kiểm toán. Tính chung 6 tháng đầu năm, tổng LNST của toàn bộ 600 DNNY đạt khoảng 27.587 tỷ đồng, giảm 18,3% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, số các công ty thua lỗ trong 6 tháng đầu năm là 65 công ty, với tổng số LNST đạt -2.047 tỷ đồng. Nếu tính riêng quý 2, có 83 công ty thua lỗ với tổng LNST -1.706 tỷ đồng (chiếm 83,4% tổng thua lỗ 6 tháng đầu năm).

EPS bình quân toàn thị trường 6 tháng đầu năm, tính trên 600 DNNY công bố KQKD đạt 1.157 đồng/CP (EPS tính trên toàn bộ vốn cổ phần Q2/2011), giảm tương ứng 30% so với cùng kỳ năm trước. Nếu loại bỏ các DN thua lỗ, EPS cũng chỉ đạt bình quân 1.429 đồng/CP, giảm 15,74% so với cùng kỳ năm trước.

Thua lỗ nhiều nhất thuộc về khối ngành chứng khoán. Có 16/24 CTCK niêm yết báo cáo KQKD với tổng số lỗ 6 tháng đầu năm là -1.110 tỷ đồng, chiếm 54,2% tổng LN báo lỗ của các DNNY. Tính tổng lợi nhuận của khối, 6 tháng đầu năm 2011 các CTCK đạt -854 tỷ đồng LNST, trong đó riêng quý 2 là -610 tỷ đồng. Con số này đã phản ánh một cách sinh động bức tranh âm ảm đạm của TTCK trong 6 tháng đầu năm, mà đặc biệt là Q2/2011.

	LNST Q2/2011	LNST 6T/2011	+LNST 6T/2010	EPS Q2/2011	EPS 6T/2011		LNST Q2/2011	LNST 6T/2011	+LNST 6T/2010	EPS Q2/2011	EPS 6T/2011
AGR	49.32	54.19	-45.16%	233	256	PHS	(6.77)	(12.13)	-2433.08%	(226)	(404)
APG	(2.56)	(2.47)	-121.22%	(189)	(182)	SBS	(164.71)	(158.58)	-206.80%	(1,300)	(1,252)
APS	(15.90)	(14.30)	-131.13%	(408)	(367)	SHS	(333.93)	(382.23)	-686.15%	(3,339)	(3,822)
AVS	(13.20)	(26.13)	-240.59%	(367)	(726)	SME	(12.56)	(29.07)	-330.53%	(4,170)	(9,651)
BVS	(26.79)	(80.33)	-995.56%	(371)	(1,112)	SSI	1.40	(100.56)	-123.74%	4	(286)
CTS	16.20	23.11	154.80%	205	293	SVS	(14.75)	(27.65)	-446.95%	(1,092)	(2,048)
GBS	1.31	2.37	-16.38%	97	175	TAS	(5.97)	(15.96)	-308.93%	(429)	(1,148)
HBS	0.84	1.14	-96.39%	25	35	VDS	(34.77)	(59.80)	-313.95%	(994)	(1,710)
HCM	46.82	88.54	-27.90%	780	1,476	VIG	(33.80)	(33.10)	-307.46%	(990)	(970)
HPC	(11.94)	(18.17)	-4856.02%	(297)	(453)	VIX	(5.34)	0.68	-89.84%	(178)	23
KLS	55.47	85.68	-1035.37%	274	423	VND	(87.41)	(141.38)	-162.46%	(874)	(1,414)
ORS	(10.07)	(8.16)	-160.39%	(419)	(340)	WSS	0.04	0.05	-99.89%	1	1

Chú thích: Màu đỏ - BCTC đã xoát sét; Màu xanh - BCTC chưa hợp nhất

Bảng 1. KQKD 6T/2011 của các CTCK niêm yết (LNST: tỷ đồng, EPS: đồng/CP - nguồn: TAS)

Được xem là huyết mạch trong nền kinh tế, hệ thống NHTM vẫn đạt được kết quả kinh doanh khá sáng sủa khi tăng trưởng lợi nhuận ở mức cao so với cùng kỳ. Điều này đã gây ra nhiều bàn cãi về sự chia sẻ khó khăn giữa NHTM và các doanh nghiệp trong bối cảnh nền kinh tế khó khăn, khi mà hầu hết các doanh nghiệp Việt Nam đều phụ thuộc rất lớn vào vốn ngân hàng.

	LNST Q2/2011	LNST 6T/2011	+LNST 6T/2010	EPS Q2/2011	EPS 6T/2011		LNST Q2/2011	LNST 6T/2011	+LNST 6T/2010	EPS Q2/2011	EPS 6T/2011
ACB	754.31	1,430.93	13.99%	804	1,526	NVB	67.21	127.57	72.32%	224	425
CTG	1,848.06	2,717.50	64.77%	1,097	1,613	SHB	157.89	309.75	28.11%	328	643
EIB	186.39	307.87	27.38%	621	1,026	STB	684.24	1,137.21	10.48%	631	1,048
HBB	629.50	1,269.47	78.11%	503	1,013	VCB	947.90	2,283.09	6.36%	539	1,298

Chú thích: Màu đỏ - BCTC đã soát xét; Màu xanh - BCTC chưa hợp nhất

Bảng 2. KQKD 6T/2011 của các NHTM niêm yết (LNST: tỷ đồng, EPS: đồng/CP - nguồn: TAS)

Lũy kế 6 tháng đầu năm, 8 NHTM niêm yết đạt 9.583 tỷ đồng LNST, tăng trưởng 30,4% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, NVB có mức tăng trưởng cao nhất với 72,3%; ACB đạt mức tăng trưởng thấp nhất với xấp xỉ 14%.

Tổng LNST 6 tháng đầu năm của 8 NHTM niêm yết chiếm 34,7% tổng LNST của gần 600 DNNY đã công bố kết quả kinh doanh. Như vậy, nếu không kể 8 NHTM niêm yết, LNST nửa đầu 2011 của các DNNY chỉ đạt 18.000 tỷ đồng, giảm tới 31,9% so với cùng kỳ năm trước, một sự sụt giảm đáng kể so với -18,3% nếu như tính cả khối NH.

Tuy nhiên, trong bức tranh lợi nhuận ảm đạm của các DNNY cũng có những điểm sáng nhất định.

✓ **Thứ nhất: tăng trưởng lợi nhuận**

Xét về tốc độ tăng trưởng LNST 6 tháng đầu năm 2011 so với cùng kỳ năm trước, NVT dẫn đầu với tỷ lệ xấp xỉ 6 lần, tuy nhiên xét về số tuyệt đối lại chưa thực sự ấn tượng (Bảng 3). Đáng chú ý trong Top này có TPC, SCC, PHT, PVG, SBT, AGD và PGS. Đây là các doanh nghiệp có tỷ lệ tăng trưởng cao và EPS khá lớn.

Xét về quy mô gia tăng lợi nhuận, trong Top 20 DNNY có quy mô gia tăng lợi nhuận lớn nhất, các NHTM chiếm số đông. Ngoài các NHTM, đáng chú ý là VNM với EPS hấp dẫn và tỷ lệ tăng trưởng ổn định trong nhiều năm trở lại đây; ngoài ra có DPM, HPG, MSN, SBT.... Riêng KLS tăng trưởng âm do LNST cùng kỳ năm trước âm.

	LNST Q2/2011	LNST 6T/2011	+-LNST 6T/2010	EPS Q2/2011	EPS 6T/2011		LNST Q2/2011	LNST 6T/2011	+-LNST 6T/2010	EPS Q2/2011	EPS 6T/2011
NVT	4.45	9.10	5929.14%	73	150	PVG	7.798	123.433	659.21%	281	4,453
TPC	76.98	77.21	5885.27%	3,151	3,160	SBT	114.68	298.74	633.01%	808	2,105
SCC	27.93	41.78	5678.70%	1,863	2,787	SQC	18.90	32.05	630.07%	189	321
DLR	0.90	2.37	5668.29%	200	526	TXM	5.69	7.18	628.53%	812	1,025
FMC	1.00	5.04	4613.08%	125	630	VNF	2.85	37.45	558.24%	508	6,688
SBA	4.05	4.08	2834.53%	81	82	S64	1.34	1.85	537.93%	670	925
HVT	3.70	6.16	1332.56%	511	852	AGD	40.21	59.38	479.53%	3,351	4,949
BTH	1.30	1.98	922.16%	373	567	QST	0.69	0.27	464.58%	510	201
PHT	25.30	29.52	772.31%	1,265	1,476	HJS	12.36	15.83	409.20%	824	1,055
VFR	79.18	81.96	736.90%	5,279	5,464	PGS	103.79	142.15	374.37%	2,731	3,741

Chú thích: Màu đỏ - BCTC đã xoát sét; Màu xanh - BCTC chưa hợp nhất

Bảng 3. Top DNNY có tỷ lệ tăng trưởng cao nhất (LNST: tỷ đồng, EPS: đồng/CP - nguồn: TAS)

	LNST Q2/2011	LNST 6T/2011	+-LNST 6T/2010	EPS Q2/2011	EPS 6T/2011		LNST Q2/2011	LNST 6T/2011	+-LNST 6T/2010	EPS Q2/2011	EPS 6T/2011
CTG	1848.055	2717.5	64.77%	1,097	1,613	VCB	947.895	2283.085	6.36%	539	1,298
EIB	629.503	1269.465	78.11%	503	1,013	PHR	115.736	307.529	66.47%	1,424	3,783
DPM	644.57	1362.787	53.57%	1,696	3,586	PGS	103.79	142.15	374.37%	2,731	3,741
VNM	1107.203	2113.657	20.88%	2,986	5,700	POM	386.92	456.616	31.21%	2,064	2,436
HPG	455.74	982.09	58.45%	1,434	3,090	STB	684.236	1137.212	10.49%	631	1,048
MSN	312.53	650.35	93.30%	607	1,262	PVG	7.798	123.433	659.21%	281	4,453
SBT	114.683	298.744	633.01%	808	2,105	HVG	128.48	234.55	72.87%	1,947	3,554
DPR	49.17	276.83	183.3%	1,143	6,438	KLS	55.47	85.68	-1035.37%	274	423
ACB	754.314	1430.932	13.99%	804	1,526	PGD	70.78	179.16	1096.17%	1,650	4,176
VPL	142.673	184.008	308.38%	694	895	TRC	98.16	168.319	120.65%	3,272	5,611

Chú thích: Màu đỏ - BCTC đã xoát sét; Màu xanh - BCTC chưa hợp nhất

Bảng 4. Top DNNY có quy mô tăng trưởng lớn nhất (LNST: tỷ đồng, EPS: đồng/CP - nguồn: TAS)

✓ **Thứ hai: quy mô EPS**

Dẫn đầu là KTS với EPS 6 tháng đầu năm 2011 đạt gần 16.900 đồng/CP, tiếp đến là HGM (13.000 đồng/CP), TCT (10.300 đồng/CP)... Đáng chú ý trong Top này, VNM (đứng thứ 11) là bluechip duy nhất trong nhóm.

	LNST Q2/2011	LNST 6T/2011	+LNST 6T/2010	EPS Q2/2011	EPS 6T/2011		LNST Q2/2011	LNST 6T/2011	+LNST 6T/2010	EPS Q2/2011	EPS 6T/2011
KTS	33.10	50.69	319.46%	11,035	16,897	VNM	1,107.20	2,113.66	20.88%	2,986	5,700
HGM	46.90	78.10	238.68%	7,817	13,017	TRC	98.16	168.32	120.65%	3,272	5,611
TCT	10.46	33.02	71.51%	3,273	10,327	VFR	79.18	81.96	736.90%	5,279	5,464
DHG	120.88	209.01	25.02%	4,450	7,695	CAP	1.25	9.28	178.98%	736	5,458
VFG	35.35	67.20	33.31%	3,622	6,886	VTS	4.20	6.83	-13.65%	3,255	5,293
VNF	2.85	37.45	558.24%	508	6,688	TC6	31.84	52.44	66.94%	3,184	5,244
ACL	51.10	71.34	63.57%	4,646	6,485	AGD	40.21	59.38	479.53%	3,351	4,949
DPR	49.17	276.83	183.29%	1,143	6,438	NNC	26.67	42.58	15.19%	3,041	4,856
KSB	31.53	67.01	10.54%	2,947	6,262	SEC	25.09	70.30	45.61%	1,730	4,846
TDN	11.19	48.92	33.52%	1,399	6,115	NSC	25.73	38.82	53.80%	3,163	4,772

Chú thích: Màu đỏ - BCTC đã xoát sét; Màu xanh – BCTC chưa hợp nhất

Bảng 5. Top DNNY có EPS cao nhất (EPS tính trên toàn bộ VDL Q2/2011 – LNST: tỷ đồng, EPS: đồng/CP – nguồn: TAS)

✓ **Thứ ba: dividend yield**

Đây là chỉ số quan trọng đối với NĐT quan tâm đến cổ tức của doanh nghiệp. Theo kế hoạch cổ tức 2011 và khả năng thực hiện kế hoạch này dựa trên BCTC quý 1 & 2, chúng tôi xin đưa ra Top DNNY có dividend yeild cao nhất và cao hơn lãi suất tiền gửi ngân hàng. Trong nhóm này đáng chú ý là AVF và BGM với tình hình hoạt động kinh doanh khá ổn định và khả năng thực hiện kế hoạch cổ tức là khá cao.

Mã CK	Giá 19/08/11	KLCPLH hiện tại	BVPS	Chỉ số								Kế hoạch 2011			Thực hiện 2011		
				P/E CB	P/B	ROE	ROA	Vốn vay/TS	Vốn vay/VCSH	KLGD TB 10 ngày	KLGD TB 1 tháng	LN	Cổ tức	Dividend Yield	LNST quý 1	LNST quý 2	EPS 6T/2011
				Lần	Lần	%	%	%	%	CP	CP	Tỷ VND	VND/CP	%	Tỷ VND	Tỷ VND	VND/CP
AVF	11,800	22,500,000	16,800	3.53	0.76	30.3%	6.2%	64.2%	270.2%	2,374	2,855	162.69	4,000	33.9%	24.5	25.2	2,208
VAT	6,700	1,132,000	14,145	1.82	0.48	27.2%	13.8%	31.5%	56.4%	1,590	1,425	4.00	2,000	29.9%	0.9		711
SMT	4,700	3,100,000	10,497	5.35	0.49	8.7%	6.1%	7.9%	10.9%	1,450	1,413	4.80	1,400	29.8%	1.5	0.7	772
HTP	4,000	1,759,180	11,727	4.19	0.35	8.7%	6.8%	0.0%	0.0%	3,800	5,929	15.19	1,000	25.0%	0.6	0.5	557
VLA	7,500	1,080,000	12,188	2.82	0.57	20.4%	17.2%	0.0%	0.0%	2,600	2,079	2.81	1,800	24.0%	0.6	1.2	1,643
DL1	15,000	1,800,000	17,990	3.01	0.79	28.8%	22.0%	12.1%	15.1%	150	113	8.60	3,600	24.0%	1.7	1.5	1,818
BCE	7,200	30,000,000	11,604	3.85	0.61	16.2%	9.5%	0.0%	0.0%	2,895	5,743	72.25	1,700	23.6%	14.6	13.9	950
LCS	8,500	6,795,000	11,941	1.85	0.64	29.4%	7.0%	12.8%	60.6%	67,120	2,188	20.21	2,000	23.5%	4.1	6.8	1,807
C47	8,800	8,000,000	19,062	1.57	0.42	25.2%	2.7%	65.4%	561.6%	427	2,442	22.50	2,000	22.7%	6.3	6.6	1,613
BGM	9,000	16,800,000	12,089	3.46	0.69	5.1%	4.8%	1.6%	1.7%	202,407	287,015	84.00	2,000	22.2%	17.6	1.3	1,124

Chú thích: Màu đỏ - BCTC đã soát xét; Màu xanh – BCTC chưa hợp nhất

Bảng 6. Top DNNY có dividend yield cao nhất (cổ tức kế hoạch 201 – nguồn: TAS)

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Tràng An (TAS) cung cấp những thông tin và phân tích về cổ phiếu và đưa ra định giá hợp lý về cổ phiếu đó. Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. TAS sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất cứ thiệt hại hay sự kiện nào bị coi là thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay bất kỳ thông tin hoặc ý kiến nào trong Báo cáo này.

Những số liệu, thông tin nêu trong Báo cáo này đã được xem xét cẩn trọng và khách quan, tuy nhiên, Công ty Cổ phần Chứng khoán Tràng An không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là chính xác, và không chịu bất cứ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này. Các nhận định trong Báo cáo này được đưa ra dựa trên cơ sở phân tích chi tiết và cẩn thận, theo đánh giá chủ quan của chúng tôi, là hợp lý trong thời điểm đưa ra Báo cáo. Mọi quan điểm cũng như nhận định phân tích trong Báo cáo này cũng sẽ có thể được thay đổi mà không cần báo trước.

Báo cáo này thuộc bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Tràng An (TAS). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của TAS đều trái luật.

Mọi ý kiến đóng góp vui lòng liên hệ theo địa chỉ:

Phòng Phân tích – Đầu tư

CPCP Chứng khoán Tràng An

HỘI SỞ CHÍNH

Địa chỉ: Tầng 9, 59 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Tel: (84.4) 3 944 62 18

Fax: (84.4) 3 944 62 13

E-mail: contact@tas.com.vn

PHÒNG GIAO DỊCH TRUNG YÊN:

Địa chỉ: Số 11, Lô 4A Trung Yên, Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: (84.4) 2 220 95 96

Fax: (84.4) 2 220 96 10

CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Lầu 3B Tòa nhà VIET NAM BUSINESS CENTER
57-59 Hồ Tùng Mậu, P. Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Tel: (84.8) 3 821 82 86

Fax: (84.8) 3 821 84 86

E-mail: contact_hcm@tas.com.vn

CHI NHÁNH QUẢNG NINH

Địa chỉ: Đường Kho Than, P. Bạch Đằng, TP Hạ Long, Quảng Ninh

Tel: (84.33) 3 820 008

Fax: (84.33) 3 820 333